TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày: 04-11-2019
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tử Lượng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Kim Dung
2. Ông Nguyễn Xuân Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 và ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST-DS ngày 29/8/2018 về Tranh chấp thừa kế tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Đức H sinh năm 1955; Địa chỉ: Số nhà 02, ngách 17/96 đường Ô, phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Dương Thị Ư – Luật sư Công ty luật TNHH U, thuộc Đoàn luật sư thành phố N; Địa chỉ: Số 4, ngách 53, ngõ 409 K, phường A, quận B, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thế I sinh năm 1962; Địa chỉ: Xóm 3, xã S, huyện V, tỉnh Ninh Bình.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

- Bà NLQ1 sinh năm 1947; Địa chỉ: Số nhà 46, đường D, phố Ơ, phường O, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.
- Bà NLQ2 sinh năm 1956; Địa chỉ: Số nhà 37, phố Y, phường P, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.
- Bà NLQ3 sinh năm 1960; Địa chỉ: Xóm 3, xã S, huyện V, tỉnh Ninh Bình.

- Bà NLQ4 sinh năm 1955; Địa chỉ: Khu tập thể trường Đảng cũ, phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

- Chị NLQ5 sinh năm 1976; Địa chỉ: Phố Ơ, phường O, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

- Anh NLQ6 sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu tập thể trường Đảng cũ, phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của bà NLQ4, chị NLQ5, anh NLQ6: Ông Vũ Đức H sinh năm 1955; Địa chỉ: Số nhà 02, ngách 17/96 đường Ô, phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền ngày 10/9/2018 và ngày 17/9/2018)

- Chị NLQ7 sinh năm 1990; Địa chỉ: Số nhà 63, đường 30-6, phố X, phường Z, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

- Ông NLQ8 sinh năm 1941; Địa chỉ: Xóm 9, xã S, huyện V, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của ông NLQ8: Ông Nguyễn Thế I sinh năm 1962; Địa chỉ: Xóm 3, xã S, huyện V, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/6/2019).

- Chị NLQ9 sinh năm 1985; Địa chỉ: Số nhà 24, đường L, phường M, thành phố Â, tỉnh Nam Định.

- Anh NLQ10 sinh năm 1995; Địa chỉ: Xóm 3, xã S, huyện V, tỉnh Ninh Bình.

- Anh NLQ11 sinh năm 1987; Địa chỉ: 경상남도거제시서문로 5 길 6 우헝빌딩 3층 (Gyeongsangnam-do South Gate Road 5 Road 6 Uhne Building 3F – Korea); Nơi ĐKHKTT: Xóm 3, xã S, huyện V, tỉnh Ninh Bình.

- Bà NLQ12; Địa chỉ: Xóm 3, xã S, huyện V, tỉnh Ninh Bình.

- NLQ13; Địa chỉ: Phố Ă, thị trấn Ă, huyện V, tỉnh Ninh Bình; Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Văn L - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/5/2019).

- NLQ14; Địa chỉ: Xã S, huyện V, tỉnh Ninh Bình; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S.

Tại phiên tòa có mặt: Ông H, ông I, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, chị NLQ7, chị NLQ9, anh NLQ10, bà NLQ12 và Luật sư Ư.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/7/2018, trong quá trình giải quyết vụ án ông Vũ Đức H là nguyên đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, bà NLQ4, chị NLQ5, anh NLQ6 trình bày:

Bố đẻ ông H là cụ Vũ Văn O sinh năm 1921, chết năm 1984 và mẹ đẻ là cụ Phạm Thị L sinh năm 1920, chết năm 1978. Cụ O và cụ L sinh được 07 người con

là: Ông NLQ8, ông Vũ Đức H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, ông Vũ Anh G, bà Vũ Thị Y (hai cụ không có con riêng, con nuôi). Ông Vũ Anh G chết năm 2017 (không để lại di chúc), có vợ là bà NLQ4 và các con là chị NLQ5, anh NLQ6, chị NLQ7. Bà Vũ Thị Y chết năm 2011, có chồng là ông Nguyễn Thế I và các con là chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11.

Trong quá trình chung sống cụ O và cụ L có tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 21 tờ bản đồ PL 1+2 lập năm 1996, tại xóm 3, xã S, huyện V, tỉnh Ninh Bình và tài sản trên đất là 01 căn nhà ngói 4 gian, 01 cây Nhãn (gần cổng). Theo giấy chứng nhận đã cấp cho bà Y thửa đất nêu trên có diện tích 535m^2 (225m^2 đất ở, 310m^2 đất vườn). Trước khi chết, cụ O và cụ L chưa phân chia tài sản cho ai, không để lại di chúc mà chỉ nói miệng với các con là cho ông NLQ8, ông H, ông G thừa kế ngôi nhà ngói 4 gian cùng thửa đất. Sau khi hai cụ chết nhà đất do ông NLQ8 trông coi, hương khói. Được sự nhất trí của ông NLQ8, khoảng năm 1993 vợ chồng ông I và bà Y chuyển về sinh sống tại nhà, đất của hai cụ. Khoảng năm 1995 - 1996 vợ chồng ông I phá ngôi nhà của bố mẹ để lại và xây nhà mới nhưng không thông qua ý kiến của các thành viên trong gia đình. Trong buổi hòa giải NLQ14 cung cấp ông H mới biết thửa đất của cụ O và cụ L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Y. Năm 2011 bà Y chết, năm 2016 ông I kết hôn với bà NLQ12. Ông H đã nhiều lần yêu cầu ông I cắt lại đất để xây nhà thờ nhưng ông I không đồng ý. Năm 2017 ông H gửi đơn lên NLQ14, hai bên đã được hòa giải nhưng không thành.

Ông H đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 464844, ngày 02/01/1997 do NLQ13 cấp cho bà Vũ Thị Y và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ O, cụ L để lại là quyền sử dụng 535m^2 đất tại thửa số 21 tờ bản đồ PL 1+2 lập năm 1996, địa chỉ: Xóm 3, xã S, huyện V cho 7 anh, chị, em.

Tại bản tự khai ngày 16/5/2019, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Nguyễn Thế I, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông NLQ8 trình bày: Năm 1983 ông I kết hôn với bà Vũ Thị Y. Bà Y là con của cụ Vũ Văn O và cụ Phạm Thị L (cụ L chết năm 1978, cụ O chết năm 1984; bà Y chết năm 2011, không ai để lại di chúc). Ông I và bà Y có 3 con chung là chị NLQ9, anh NLQ11và anh NLQ10. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông I được cụ O cho về ở cùng nhà. Sau khi cụ O chết, ông NLQ8 đã tuyên bố cho vợ chồng ông I tiếp tục ở trên nhà đất của bố mẹ, khi đó các anh chị em của bà Y đều không có ý kiến gì. Năm 1996 vợ chồng ông I đứng ra kê khai và đến năm 1997 được NLQ13 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I-464844 ngày 02/01/1997 đứng tên bà Vũ Thị Y, trong đó có thửa đất số 21 tờ bản đồ PL 1+2, diện tích là 535m^2 gồm 225m^2 đất ở, 310m^2 đất vườn. Về tài sản trên đất trước đây bố mẹ vợ ông I có 01 ngôi nhà cấp 4 và 01 cây Nhãn (gần cổng).

Ngôi nhà cấp 4 đã cũ hỏng không thể sử dụng được nên năm 1987 ông NLQ8 nhất trí cho vợ chồng ông I phá đi để xây dựng nhà mái bằng và các công trình như hiện nay. Việc vợ chồng ông I phá nhà cũ của bố mẹ để xây nhà mới các anh chị của bà Y đều biết nhưng không ai có ý kiến gì. Ông I không nhất trí việc ông H yêu cầu chia thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Y.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án ông NLQ8 trình bày: Về mối quan hệ gia đình, ông NLQ8 đã khai đúng như nội dung ông H và ông I đã trình bày.

Về nguồn gốc tài sản tranh chấp: Khi còn sống, bố mẹ ông là cụ O và cụ L có tài sản chung là thửa đất số 21 tờ bản đồ PL 1+2 lập năm 1996 và 4 gian nhà ngói xây trên thửa đất. Trước khi chết bố mẹ ông NLQ8 chưa phân chia nhà đất cho ai và không để lại di chúc. Khi còn sống cụ O có nói miệng với ông NLQ8 là cho ba anh em trai mỗi người 01 gian nhà, 01 gian còn lại cho các cô con gái.

Khoảng năm 1984 cụ O cho vợ chồng bà Y đến sinh sống cùng nhà, tại xóm 3, xã S. Sau khi cụ O mất, ông NLQ8 đã tự mình tuyên bố cho vợ chồng bà Y được quyền sở hữu và sử dụng nhà đất của bố mẹ để lại. Trước khi tuyên bố cho, ông NLQ8 không thống nhất với các em của mình nhưng tất cả mọi người đều biết. Khi vợ chồng bà Y phá ngôi nhà cũ của bố mẹ để lại, xây nhà mới như hiện nay thì tất cả các anh, chị, em đều biết và về ăn cơm cùng nhau lúc bỏ móng nhà. Ông NLQ8 nhất trí chia di sản thừa kế của cụ O và cụ L cho 7 anh, chị, em. Ông NLQ8 cho ông I, chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11 kỷ phần thừa kế của ông NLQ8 được hưởng. Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông NLQ8 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị NLQ7 trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo như ý kiến của ông H.

Tại phiên tòa bà NLQ2, bà NLQ3, bà NLQ1 không tiếp tục ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng mà tự mình tham gia tố tụng và trình bày: Các bà đồng ý với nội dung trình bày của ông H, đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của cụ O, cụ L để lại gồm quyền sử dụng thửa đất số 21 tờ bản đồ PL 1+2 xã S lập năm 1996, tại xóm 3, xã S, huyện V cho 7 anh, chị, em.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà NLQ12 trình bày: Bà là vợ hai của ông I, mới về chung sống với nhau, không có đóng góp gì trong khối tài sản tranh chấp; không có yêu cầu hay đề nghị gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị NLQ9, anh NLQ10 cùng có ý kiến: Ông I, bà Y đã ở mảnh đất đó hơn 30 năm nay, nếu các bác có ý kiến lấy đất để làm nhà thờ thì nhất trí để lại phần đất phía sau nhà cho các bác xây nhà thờ và giữ lại toàn bộ tài sản của ông I, bà Y đã xây dựng.

Tại biên bản làm việc ngày 06/5/2019 NLQ14 xác định: Cụ Vũ Văn O chết năm 1984, cụ Phạm Thị L chết năm 1978. Cụ O và cụ L sinh được 07 người con là ông NLQ8, ông Vũ Đức H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, ông Vũ Anh G, bà Vũ Thị Y (hai cụ không có con riêng, con nuôi). Trong quá trình chung sống cụ O và cụ L có tài sản chung là thửa đất số 21 tờ bản đồ PL 1+2 bản đồ địa chính xã S lập năm 1996 và tài sản trên đất là 01 căn nhà ngói 4 gian. Khoảng năm 1984 vợ chồng bà Y, ông I chuyển về ở cùng cụ O.

Về giấy tờ của thửa đất: Tờ bản đồ số 4 lập năm 1987, thửa 173 có diện tích 675m^2 đứng tên cụ O. Khoảng năm 1993 bà Y và ông I đứng ra kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tờ bản đồ PL 1+2 lập năm 1996, thửa 21 có diện tích 535m^2 đứng tên ông I; Sổ mục kê, sổ địa chính lập năm 1996 đứng tên bà Y. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I-464844 cấp ngày 02/01/1997 đứng tên bà Y. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất; Sổ mục kê, sổ địa chính, bản đồ PL 1+2 lập năm 1996 (xã S đến năm 1987 mới có bản đồ, từ năm 1987 trở về trước không có tài liệu liên quan quan gì khác)

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, NLQ14 đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại báo cáo số 97/BC-UBND ngày 21/5/2019 của Chủ tịch NLQ13 và Biên bản làm việc ngày 06/5/2019 NLQ13 xác định:

Theo hồ sơ lưu tại Phòng Tài nguyên - Môi trường và lưu tại NLQ14: Tờ bản đồ số 4 lập năm 1987, thửa 173 có diện tích 675m^2 (đất ở 360m^2, đất vườn 315m^2) đúng tên cụ O. Năm 1993 thực hiện việc đo đạc, đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông I là người kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tờ bản đồ PL 1+2 lập năm 1996, thửa 21 có diện tích 535m^2 đúng tên ông I; sổ mục kê, sổ địa chính lập năm 1996 đứng tên bà Y. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I-464844 cấp ngày 02/01/1997 thửa 21, tờ bản đồ PL 1+2, diện tích 535m^2 (đất ở 225m^2, đất vườn 310m^2) đứng tên bà Y.

NLQ13 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, NLQ13 sẽ tổ chức thực hiện theo quyết định của bản án.

Tại biên bản làm việc ngày 15/8/2019 đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V xác định: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I-464844 ngày 02/01/1997 đứng tên bà Vũ Thị Y thửa đất số 21 tờ bản đồ PL 1+2 có diện tích 535m^2 (đất ở 225m^2, đất vườn 310m^2) nhưng kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án thửa đất có diện tích 579,1m^2, tăng 44,1 m^2. Diện tích đất tăng thêm là do cách thức, phương pháp đo đạc của từng thời kỳ, hiện trạng 579,1m^2 đã được gia đình cụ O và sau này là gia đình ông I, bà Y sử dụng ổn định, lâu dài, phù hợp

với quy hoạch sử dụng đất, không có tranh chấp với hộ liền kề nên đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về các tài liệu chứng cứ:

- Trích lục bản đồ địa chính Tờ bản đồ số 4 lập năm 1987, thửa 173 có diện tích 675m^2 (đất ở 360m^2, đất vườn 315m^2) đứng tên cụ O.

- Trích lục bản đồ địa chính Tờ bản đồ số PL 1+2 lập năm 1996, thửa 21 có diện tích 535m^2 (đất ở 225m^2, đất vườn 310m^2) đứng tên ông I.

- Trang 49 sổ mục kê lập năm 1996 thửa 21 có diện tích 535m^2 (đất ở 225m^2, đất vườn 310m^2) đúng tên ông I.

- Trang 45 sổ địa chính lập năm 1996 thửa 21 có diện tích 535m^2 (đất ở 225m^2, đất vườn 310m^2) đúng tên bà Y.

- Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ghi tên ông I (đơn không có nội dung, không ghi ngày tháng năm, có kèm theo sơ đồ phác họa thửa đất)

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I-464844 O NLQ13 cấp ngày 02/01/1997 đứng tên bà Vũ Thị Y, trong đó có thửa đất số 21 tờ bản đồ PL 1+2, diện tích 535m^2 (đất ở 225m^2, đất vườn 310m^2).

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình thể hiện: Thửa đất số 21 tờ bản đồ số PL 1+2 lập năm 1996, hiện tại do gia đình ông I đang trực tiếp quản lý, sử dụng có diện tích 579,1m^2, trên thửa đất gần khu vực cổng có 01 cây Nhãn các đương sự xác định là của ông O, bà L trồng; Ngoài ra, trên đất còn có tài sản thuộc quyền sở hữu của gia đình ông I gồm nhà ở, công trình phụ, tường bao và cây cối khác.

Chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH thẩm định giá Ngoại Thương xác định:

- Giá trị quyền sử dụng 579,1m^2 đất tại thửa số 21 tờ bản đồ PL 1+2 là 369.369.000 đồng, trong đó: Đất ở: 225,0m^2 x 1.500.000đ = 337.500.000 đồng; Đất vườn: 354,1m^2 x 90.000đ = 31.869.000 đồng.

- Cây nhãn (gần cổng) 670.000 đồng.

(*Ngoài ra chứng thư thẩm định giá còn định giá tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của gia đình ông I gồm nhà ở, công trình phụ, tường bao và cây cối)*

Tại phiên tòa ông H, ông I, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, chị NLQ7, chị NLQ9, anh NLQ10, bà NLQ12 đã thống nhất, thỏa thuận các nội dung sau:

- Cụ Vũ Văn O sinh năm 1921, chết năm 1984; Cụ Phạm Thị L sinh năm 1920, chết năm 1978, không ai để lại di chúc. Vợ chồng cụ O, cụ L sinh được 07 người con gồm: Ông NLQ8, ông Vũ Đức H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, ông Vũ Anh G, bà Vũ Thị Y (hai cụ không có con riêng, con nuôi). Ông Vũ Anh G chết năm 2017 (không để lại di chúc), có vợ là bà NLQ4 và các con là chị NLQ5, anh

NLQ6, chị NLQ7. Bà Vũ Thị Y chết năm 2011, có chồng là ông Nguyễn Thế I và các con là chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11.

- Diện tích 579,1m^2 đất tại thửa số 21 tờ bản đồ PL 1+2 lập năm 1996, địa chỉ: Xóm 3, xã S, huyện V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Y, trên đất có 01 cây Nhãn (gần cổng) là di sản của cụ O và cụ L. Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của của hai cụ theo pháp luật cho 07 người con gồm: Ông NLQ8, ông H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3 phần di sản của ông G được hưởng từ di sản của cụ O, cụ L được chuyển tiếp cho bà NLQ4 và các con là chị NLQ5, anh NLQ6, chị NLQ7; phần di sản của bà Y được hưởng từ di sản của cụ O, cụ L được chuyển tiếp cho ông I, chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11. Kỷ phần thừa kế của ông NLQ8 cho bố con ông I thì bố con ông I được hưởng. Kỷ phần của ông H, ông G, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3 đề nghị chia chung vào một mảnh đất để sử dụng chung và làm nhà thờ.

- Phương án chia cụ thể như sau:

+ Chia cho ông I, NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11 được quyền sử dụng chung 324,5m^2 đất, trong đó có 125m^2 đất ở, 199,5m^2 đất vườn, tổng giá trị di sản 205.455.000 đồng (Gồm có kỷ phần thừa kế của bà Y và kỷ phần thừa kế của ông NLQ8 cho); Vị trí, kích thước của phần đất được chia như sơ đồ phân chia quyền sử dụng đất và tài sản trên đất do các bên thỏa thuận tại phiên tòa.

+ Phần diện tích đất còn lại 254,6m^2, trong đó có 100m^2 đất ở, 154,6m^2 đất vườn, chia thành 5 phần: Ông H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3 mỗi người được hưởng 01 phần bằng 50,92m^2 (20m^2 đất ở, 30,92m^2 đất vườn); bà NLQ4 và các con là chị NLQ5, anh NLQ6, chị NLQ7 được hưởng 01 phần bằng 50,92m^2 (20m^2 đất ở, 30,92m^2 đất vườn) nhưng nhập tất cả vào một thửa để sử dụng chung. Ông H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, bà NLQ4, chị NLQ5, anh NLQ6, chị NLQ7 được quyền sở hữu chung toàn bộ tài sản trên phần đất được chia gồm: 03 cây Nhãn, 01 cây Sanh, 04 cây Đào Tiên, 01 cây Sung, 01 cây Mít, 02 cây Bưởi, 01 cây me , 02 cây Khế, 01 cây Bơ, nhà vệ sinh, phần chuồng trại (trong ranh giới đất được chia) và đoạn tường bao phía Bắc giáp đất lưu không đê hữu sông Hoàng Long; Vị trí, kích thước của phần đất được chia và tài sản trên đất như sơ đồ phân chia quyền sử dụng đất và tài sản trên đất do các bên thỏa thuận tại phiên tòa; tổng giá trị di sản là 164.584.000 đồng (gồm 100m^2 đất ở, 154,6m^2 đất vườn, 01 cây Nhãn).

- Không bên nào phải có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch về tài sản.

- Đối với các khoản tiền ông H đã tạm ứng chi phí gồm: Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, tiền chi phí thẩm định giá tài sản, tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, ông H đề nghị để ông tự giải quyết với các đương sự khác và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo

quy định của pháp luật, đối với phần di sản chia cho ông H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, bà NLQ4, chị NLQ5, anh NLQ6, chị NLQ7.

- Ông I tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, đối với phần di sản chia cho ông I, chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11 .

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã phát biểu ý kiến nhận xét về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ Điều 5, khoản 5 Điều 26, Điều 34, khoản 3 Điều 35 và các Điều 37, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 609, 623, 649, 650, 651, 658, 660, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 16 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959; Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 5, 98, 99, 100, 101, 106, 166, 167 của Luật đất đai 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của cụ O, cụ L theo như sự thống nhất, thỏa thuận tại phiên tòa của các đương sự.

Ông Vũ Đức H phải chịu 400.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0003638 ngày 13/12/2018 và Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0000111 ngày 04/6/2019 của Cục thi Hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Ông H, ông I phải nộp phần án phí theo quy định của pháp luật và theo sự thỏa thuận của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Vũ Đức H là một trong bảy người con của cụ Vũ Văn O và cụ Phạm Thị L. Cụ L chết năm 1978, cụ O chết năm 1984, trước khi chết cả hai cụ đều không để lại di chúc. Các đương sự đều thừa nhận di sản của cụ O, cụ L để lại gồm 579,1m^2 đất tại thửa số 21 tờ bản đồ PL 1+2 lập năm 1996, địa chỉ: Xóm 3, xã S, huyện V, tỉnh Ninh Bình, trên đất có 01 cây Nhãn (gần cổng). Ông H khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bố mẹ để lại cho 07 anh, chị, em. Theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông H là người có quyền khởi kiện và đã nộp đơn khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại khoản 1 Điều 623, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I-464844 ngày 02/01/1997 do

NLQ13 cấp cho bà Vũ Thị Y và trong vụ án có anh NLQ11 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đi làm ăn, sinh sống tại Hàn Quốc (các đương sự đều thừa nhận). Theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 34, khoản 3 Điều 35 và các Điều 37, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa, vắng mặt người đại diện hợp pháp của NLQ13 và NLQ14 nhưng người đại diện hợp pháp của NLQ14 đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đương sự vắng mặt không có lý do; vì vậy, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt họ. Đối với anh NLQ11, theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp ra nước ngoài hai lần, nhưng lần thứ nhất không thực hiện được với lý do "*người nhận không rõ ràng*", lần ủy thác thứ hai đã quá 3 tháng nhưng không nhận được kết quả. Song song với việc ủy thác tư pháp ra nước ngoài, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai và đăng trên cổng thông tin điện tử của Tòa án văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật; Căn cứ khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh NLQ11.

[2] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I-464844 ngày 02/01/1997 của NLQ13 cấp cho bà Y: Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Y có nội dung chứng nhận quyền sử dụng lâu dài 535m^2 đất gồm: Đất ở 225m^2, đất vườn 310m^2 tại thửa số 21 tờ bản đồ PL 1+2 và 3.709m^2 đất trồng lúa, trồng mầu ở các thửa đất khác.

Tại phiên tòa các đương sự đã thống nhất, thỏa thuận diện tích 579,1m^2 đất tại thửa số 21 tờ bản đồ PL 1+2 lập năm 1996, địa chỉ: Xóm 3, xã S, huyện V, tỉnh Ninh Bình là di sản của cụ O và cụ L, đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của hai cụ theo pháp luật, nên không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà sẽ do cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh biến động đất đai, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu chia thừa kế:

[3.1] Về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế: Cụ Vũ Văn O và cụ Phạm Thị L là vợ chồng, hai cụ sinh được 07 người con là ông NLQ8, ông Vũ Đức H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, ông Vũ Anh G, bà Vũ Thị Y (hai cụ không có con riêng, con nuôi). Ông Vũ Anh G chết năm 2017, có vợ là bà NLQ4 và các con là chị NLQ5, anh NLQ6, chị NLQ7. Bà Vũ Thị Y chết năm 2011, có chồng là ông Nguyễn Thế I và các con là chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11. Cụ L chết năm 1978, cụ O chết năm 1984, tại xã S, huyện V. Theo quy định của Pháp lệnh thừa kế và quy định tại Điều 611, 613, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015, thời điểm mở thừa kế đối với cụ

L được xác định là năm 1978, hàng thừa kế thứ nhất gồm chồng và tất cả các con; thời điểm mở thừa kế của cụ O được xác định là năm 1984, hàng thừa kế thứ nhất gồm tất cả các con. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản sau khi hai cụ đều đã chết, do đó xác định hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ gồm NLQ8, ông Vũ Đức H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, ông Vũ Anh G chết sau hai cụ nên người thừa kế thế quyền của ông G gồm vợ và các con của ông G; bà Y chết sau hai cụ nên người thừa kế thế quyền của bà Y gồm chồng và các con của bà Y.

[3.2] Về phân chia di sản thừa kế: Hiện trạng thửa đất số 21 tờ bản đồ PL 1+2 xã S lập năm 1996, địa chỉ: Xóm 3, xã S, huyện V, tỉnh Ninh Bình có diện tích 579,1m^2, tăng 44,1m^2 so với hồ sơ địa chính lập năm 1996. Các cơ quan chuyên môn đã xác định diện tích đất tăng thêm là do cách thức, phương pháp đo đạc của từng thời kỳ. Hiện trạng 579,1m^2 đất đã được gia đình cụ O và sau này là gia đình ông I sử dụng ổn định, lâu dài, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, không có tranh chấp với hộ liền kề nên đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định quyền sử dụng 579,1m^2 đất là di sản thừa kế của cụ O và cụ L.

Sự thống nhất, thỏa thuận tại phiên tòa của ông H, ông I, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, chị NLQ7, chị NLQ9, anh NLQ10, bà NLQ12 là tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sự thống nhất, thỏa thuận tại phiên tòa của các đương sự, chia di sản thừa kế của cụ O và cụ L theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông NLQ8, ông H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, phần di sản của ông G được hưởng từ di sản của cụ O, cụ L được chuyển tiếp cho bà NLQ4 và các con là chị NLQ5, anh NLQ6, chị NLQ7; phần di sản của bà Y được hưởng từ di sản của cụ O, cụ L được chuyển tiếp cho ông I, chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11. Ngoài ra, ông I, chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11 còn được hưởng kỷ phần thừa kế của ông NLQ8 cho. Việc phân chia cụ thể như sau:

* Chia cho ông I, chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11 được quyền sử dụng chung 324,5m^2 đất, trong đó có 125m^2 đất ở, 199,5m^2 đất vườn tại thửa số 21 tờ bản đồ PL 1+2 xã S lập năm 1996, địa chỉ: Xóm 3, xã S, huyện V, tỉnh Ninh Bình; Vị trí, kích thước: Phía Bắc giáp đất lưu không đê hữu sông Hoàng Long dài 4,31m (2 đoạn gấp khúc); Phía Tây giáp đất hộ ông Khoa dài 32,94m (8 đoạn gấp khúc); Phía Nam giáp đất hộ ông Vệ dài 18,95m; Phía Đông giáp đất hộ bà Thước dài 14,43m (3 đoạn gấp khúc); Phía Bắc giáp đất chia cho ông H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3 bà NLQ4 chị NLQ5, anh NLQ6, chị NLQ7 dài 15,71m; Phía Đông giáp đất chia cho ông H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3 bà NLQ4 chị NLQ5, anh NLQ6, chị NLQ7 dài 19,6m (2 đoạn gấp khúc) theo như Hình 1 của sơ đồ chia di sản thừa kế kèm theo bản án (Tổng giá trị di sản là 205.455.000 đồng). Đối với các tài sản trên

phần đất ông I, chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11 được chia không phải là di sản thừa kế của cụ O, cụ L và không có ai yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

* Phần diện tích đất còn lại 254,6m^2, trong đó có 100m^2 đất ở, 154,6m^2 đất vườn, chia thành 5 phần, ông H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3 mỗi người được hưởng 01 phần bằng 50,92m^2 (20m^2 đất ở, 30,92m^2 đất vườn); bà NLQ4 chị NLQ5, anh NLQ6, chị NLQ7 được hưởng 01 phần bằng 50,92m^2 (20m^2 đất ở, 30,92m^2 đất vườn) nhưng nhập tất cả vào một thửa để sử dụng chung. Ông H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, bà NLQ4, chị NLQ5, anh NLQ6, chị NLQ7 được quyền sở hữu chung toàn bộ tài sản trên phần đất được chia gồm: 03 cây Nhãn, 01 cây Sanh, 04 cây Đào Tiên, 01 cây Sung, 01 cây Mít, 02 cây Bưởi, 01 cây Me, 02 cây Khế, 01 cây Bơ, nhà vệ sinh, phần chuồng trại (xây trong ranh giới đất được chia) và đoạn tường bao phía Bắc giáp đất lưu không đê hữu sông Hoàng Long; Vị trí, kích thước: Phía Bắc giáp đất lưu không đê hữu sông Hoàng Long dài 11,67m (3 đoạn gấp khúc); Phía Tây giáp đất chia cho ông I, chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11 dài 19,6m (2 đoạn gấp khúc); Phía Nam giáp đất chia cho ông I, chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11 dài 15,71m; Phía Đông giáp đất hộ bà Thước dài 19,34m (4 đoạn gấp khúc), theo như Hình 2 của sơ đồ chia di sản thừa kế kèm theo bản án (Tổng giá trị di sản là 164.584.000 đồng, gồm giá trị 100m^2 đất ở, 154,6m^2 đất vườn, 01 cây Nhãn).

* Các đương sự không phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho nhau.

[4] Đối với khoản tiền chi phí tố tụng khác: Ông H đã tạm ứng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, tiền chi phí thẩm định giá tài sản và tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết đối với các khoản tiền ông H đã chi phí tạm ứng. Ông H phải chịu 400.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0003638 ngày 13/12/2018 và biên lai số 0000111 ngày 04/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

* Ông H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà những người này được hưởng. Ông H tự nguyện nộp án phí thay cho NLQ4, chị NLQ5, anh NLQ6, chị NLQ7; Vì vậy, ông H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà những người này được chia, được hưởng với tổng số tiền là 2.878.000 đồng (*Phần án phí của bà NLQ4: 164.584.000đ x 5% = 8.229.200đ/5 = 1.645.000đ; Phần án phí của chị NLQ5, anh NLQ6, chị NLQ7: 164.584.000đ x 5% = 8.229.200đ/5 = 1.645.000đ/4 = 411.250đ x 3 = 1.233.000đ*).

* Ông I tự nguyện nộp tiền án phí thay cho chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11; Vì vậy, ông I phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị

phần tài sản ông I, chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11 được chia, được hưởng với tổng số tiền là 10.272.000 đồng (205.455.000đ x 5% = 10.272.000đ).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 5 Điều 26, Điều 34, khoản 3 Điều 35 và các Điều 37, 39, 147, 227, 228, 271, 273, khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 609, 623, 649, 650, 651, 658, 660, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 16 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959; Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 5, 98, 99, 100, 101, 106, 166, 167 của Luật đất đai 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn O và cụ Phạm Thị L là 579,1m^2 đất, gồm 225m^2 đất ở, 354,1m^2 đất vườn tại thửa số 21 tờ bản đồ PL 1+2 lập năm 1996, địa chỉ: Xóm 3, xã S, huyện V, tỉnh Ninh Bình và tài sản trên đất như sau:

* Chia cho ông Nguyễn Thế I, chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11 được quyền sử dụng chung 324,5m^2 đất, trong đó có 125m^2 đất ở, 199,5m^2 đất vườn; Vị trí, kích thước của phần đất được chia: Phía Bắc giáp đất lưu không đê hữu sông Hoàng Long dài 4,31m (2 đoạn gấp khúc); Phía Tây giáp đất hộ ông Khoa dài 32,94m (8 đoạn gấp khúc); Phía Nam giáp đất hộ ông Vệ dài 18,95m; Phía Đông giáp đất hộ bà Thước dài 14,43m (3 đoạn gấp khúc); Phía Bắc giáp đất chia cho ông H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, bà NLQ4, chị NLQ5, anh NLQ6, chị NLQ7 dài 15,71m; Phía Đông giáp đất chia cho ông H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, bà NLQ4, chị NLQ5, anh NLQ6, chị NLQ7 dài 19,6m (2 đoạn gấp khúc) theo như Hình 1 của sơ đồ chia di sản thừa kế kèm theo bản án.

* Chia cho ông Vũ Đức H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, bà NLQ4, chị NLQ5, anh NLQ6, chị NLQ7 được quyền sử dụng chung 254,6m^2 đất, trong đó có 100m^2 đất ở, 154,6m^2 đất vườn. Ông H, bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, bà NLQ4, chị NLQ5, anh NLQ6, chị NLQ7 được quyền sở hữu chung toàn bộ tài sản trên phần đất được chia gồm: 03 cây Nhãn, 01 cây Sanh, 04 cây Đào Tiên, 01 cây Sung, 01 cây Mít, 02 cây Bưởi, 01 cây Ă, 02 cây Khế, 01 cây Bơ, nhà vệ sinh, phần chuồng trại (trong ranh giới đất được chia) và đoạn tường bao phía Bắc giáp đất lưu không đê

hữu sông Hoàng Long; Vị trí, kích thước của phần đất được chia và tài sản trên đất: Phía Bắc giáp đất lưu không đê hữu sông Hoàng Long dài 11,67m (3 đoạn gấp khúc); Phía Tây giáp đất chia cho ông I, chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11 dài 19,6m (2 đoạn gấp khúc); Phía Nam giáp đất chia cho ông I, chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11 dài 15,71m; Phía Đông giáp đất hộ bà Thước dài 19,34m (4 đoạn gấp khúc), theo như Hình 2 của sơ đồ chia di sản thừa kế kèm theo bản án.

2. Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Ông Vũ Đức H phải chịu 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0003638 ngày 13/12/2018 và Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0000111 ngày 04/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Ông H đã nộp đủ tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Vũ Đức H phải nộp 2.878.000 đồng (*Hai triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Thế I phải nộp 10.272.000 đồng (*Mười triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn như sau:

Đối với đương sự có mặt tại Việt Nam và có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án của Tòa án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/11/2019).

Đối với đương sự có mặt tại Việt Nam nhưng không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án của Tòa án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh NLQ11 thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án (04/11/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TANDCC tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

Nguyễn Tử Lượng

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Thị Kim Dung - Nguyễn Xuân Sinh	**Nguyễn Tử L**